

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TỔNG HỢP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên: [05] Mã số thuế:

[06] Số định danh cá nhân:

[07] Địa chỉ:

[07.1] Tò/thôn: [07.2] Xã/phường/đặc khu: [07.3] Tỉnh/Thành phố:

[08] Điện thoại:

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[09] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế: [10] Mã số thuế:

[11] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số: Ngày:

3. Kê khai tổng hợp tại *: [12] Xã/phường/đặc khu: [13] Tỉnh/Thành phố: [14] Hạn mức đất lựa chọn: m²

4. Tổng hợp các thửa đất trong cùng Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Thửa đất chịu thuế				Diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận	Giá 1 m ² đất	Diện tích trong hạn mức (m ²) (thuế suất 0,03%)	Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (m ²) (thuế suất 0,07%)	Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (m ²) (thuế suất 0,15%)	Số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp	Số thuế phải nộp trên thông báo (chưa trừ miễn, giảm thuế)
Số nhà	Đường/phố	Thôn/tổ	Xã/phường/đặc khu							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Λ										
TỔNG CỘNG									[15]=Tổng cột (10)	[16]=Tổng cột (11)

(* Kê khai thừa đất thuộc địa bàn lựa chọn hạn mức)

[17] Số thuế chênh lệch kê khai phải nộp ([17]=[15] – [16]): đồng.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH
VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên

môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử/Xác nhận điện tử)

Ghi chú:

- Cột (5): Diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
- Cột (10) = (7) x (6) x 0,03% + (8) x (6) x 0,07% + (9) x (6) x 0,15%;
- Cột (11): Số thuế phải nộp trên thông báo (chưa trừ miễn, giảm thuế) được tổng hợp từ số liệu nêu tại mục 1.1 Phần III Thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp mẫu số 01/TB-SDDPNN phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.